

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2024.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Hoàng Vũ

2. Bà Trần Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Cao Kỳ Quang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 928/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Văn K** sinh năm: 1988 (*xin giải quyết vắng mặt*)

Địa chỉ: A khu vực K, P. P, Q. C, TP ..

- *Bị đơn:* **Bà Đặng Thúy A** sinh năm: 1987 (*có mặt*)

ĐKTT: 147T khu vực K, P. P, Q. C, TP ..

Địa chỉ làm việc: 08 N, P. A, Q. N, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn Văn K và bà Đặng Thúy A kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2014 quyển số 01/2014 được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An cấp ngày 12/3/2014. Quá trình chung sống vợ chồng, ông bà thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều vấn đề, không thể giải quyết. Xét thấy, tình cảm giữa 02 vợ chồng không còn, dù đã cố gắng để duy trì hạnh phúc gia đình, cuộc sống vợ chồng của ông bà vẫn không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên kính đề nghị quý Tòa án cho ông bà được ly hôn.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống ông K và bà A có 01 con chung là

cháu Nguyễn An K1 (nam), sinh ngày 25/02/2015 . Sau khi ly hôn, ông K đồng ý để bà Đặng Thúy A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Nguyện vọng của con chung (cháu K1)***: Nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ (bà A).

Trong quá trình giải quyết và tại phiên hòa giải ngày 26/11/2024 bà Đặng Thúy A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về thời gian quen nhau, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông K.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà và ông có 01 con chung là cháu Nguyễn An K1 (nam), sinh ngày 25/02/2015. Sau khi ly hôn, bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông K là 2.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/11/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận với nhau. Theo đó: ông bà thuận tình ly hôn, thỏa thuận giao con chung là cháu K1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, đến ngày 28/11/2024 bị đơn bà Đặng Thúy A thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án không công nhận kết quả hòa giải ngày 26/11/2024 vì bà cho rằng bà còn thương ông K, bà cần thêm thời gian để hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ ý kiến như nội dung biên bản hòa giải và đơn yêu cầu ly hôn.

Bị đơn bà Đặng Thúy A trình bày: Bà vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn. Do bà còn thương ông K, muốn con bà có được tình cảm trọn vẹn của cha và mẹ. Bà biết bà níu kéo cuộc hôn nhân này không hạnh phúc nhưng bà vẫn không muốn ly hôn. Từ ngày 28/11/2024 đến nay giữa bà và ông K không nói chuyện được với nhau về tình cảm của ông bà. Ông K luôn né tránh. Ông K vẫn có trách nhiệm lo cho con và làm tròn trách nhiệm với gia đình bà. Bà cho rằng giữa bà và ông K không mâu thuẫn nhiều để dẫn đến ly hôn nên bà không tin sự thật việc ông K quyết định ly hôn với bà nên bà mong muốn giữ lại cuộc hôn nhân này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn K và bà Đặng Thúy A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, ông K và bà A phát sinh mâu thuẫn. Ông K nộp đơn yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có nơi làm việc tại quận N nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung:

- *Xét về quan hệ hôn nhân:* Ông K và bà A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2014.

Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông K thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề, không thể giải quyết. Xét thấy, tình cảm giữa 02 vợ chồng không còn, dù đã cố gắng để duy trì hạnh phúc gia đình, cuộc sống vợ chồng của ông bà vẫn không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông và bà A đã sống ly thân với nhau. Ông K cho rằng ngày 26/11/2024 ông và bà A đã thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau nhưng đến ngày 28/11/2024 bà A thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng từ khi bà A thay đổi ý kiến cũng như Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian đến nay ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà A không thể hàn gắn được nên kính đề nghị quý Tòa án cho ông được ly hôn với bà A.

Theo bà A thì bà đã thuận tình ly hôn với ông K theo biên bản hoà giải ngày 26/11/2024 nhưng bà nhận thấy bà còn tình cảm và còn thương ông K nên không đồng ý ly hôn, nên xin thay đổi ý kiến, bà có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm với ông K để ông bà cùng chăm sóc cho con chung được trọn vẹn.

Nhận thấy, ông K và bà A đã thỏa thuận được với nhau, ông bà thuận tình ly hôn theo biên bản hoà giải ngày 26/11/2024 nhưng bà A thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn cho rằng bà còn thương ông K và xin thêm thời gian để hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tạo điều kiện cho ông K và bà A để ông bà có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng theo bản tự khai đề ngày 17/12/2024 gửi Tòa án, ông K cho rằng: Tòa án đã tạo điều kiện cho ông và bà A để hàn gắn tình cảm nhưng giữa ông bà không thể hàn gắn

tình cảm, đoàn tụ với nhau. Mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên ông vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông K và bà A đã trầm trọng, hôn nhân trên thực tế đã chấm dứt, tình cảm vợ chồng giữa ông K và bà A đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm với nhau, ông K xác định không còn tình cảm với bà A. Như vậy, nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn An K1 (nam), sinh ngày 25/02/2015. Sau khi ly hôn, ông K đồng ý giao con chung cho bà A trực tiếp, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nhận thấy, tại biên bản hoà giải ngày 26/11/2024 ông bà thoả thuận được với nhau về con chung và mức cấp dưỡng. Tuy nhiên, sau đó bà A thay đổi ý kiến về vấn đề ly hôn nhưng bà đồng ý nuôi con chung và đồng ý việc ông K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đồng thời, nguyện vọng của cháu K1 muốn sống với mẹ (bà A) nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K, không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu 600.000 đồng nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông K phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn K được ly hôn với bà Đặng Thúy A.
- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn An K1 (nam), sinh ngày 25/02/2015 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.
- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K, không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu 600.000 đồng nhưng ông được khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000787 ngày 13/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Ông K phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*) để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

***Nơi nhận:**

TÒA

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- UBND xã Tuyên Thạnh,
- TX . Kiến Tường, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi